

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức**  
**Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy năm 2021**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Công văn số 514/SNV-CBCCVC ngày 22/4/2021 của Sở Nội vụ về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức của TTYT huyện Lệ Thủy;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng viên chức Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy năm 2021, kể từ ngày ký quyết định.

**Điều 2.** Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan tham mưu tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức đúng quy trình, quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: TCCB, VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Cường**

## **KẾ HOẠCH**

### **Tuyển dụng viên chức Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy năm 2021**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 242 /QĐ-SYT ngày 29 /04/2021  
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Quảng Bình)*

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, THỰC TIỄN**

### **1. Căn cứ pháp lý**

- Luật viên chức ngày 15/11/2010.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên.
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ.
- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y.
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược.
- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số.

- Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính.

- Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch công chức.

- Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

- Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

- Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2374/SGDĐT-TCCB ngày 18/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Bình về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ.

- Quyết định số 01/QĐ-SNV ngày 07/01/2021 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và Nghị định 161/NĐ-CP năm 2021.

- Quyết định số 635/QĐ-SYT ngày 07/9/2020 của Sở Y tế về phê duyệt Đề án vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy giai đoạn 2018 - 2021.

- Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức.

- Công văn số 514/SNV-CBCCVC ngày 22/4/2021 của Sở Nội vụ về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng viên chức của TTYT huyện Lệ Thủy.

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

## 2. Căn cứ thực tiễn

- Tình hình thực hiện biên chế, số lượng người làm việc; thực trạng nhân lực; vị trí việc làm của Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy.

- Theo đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy tại Tờ trình số 52/TTr-TTYT ngày 14/01/2021.

## II. TÌNH HÌNH BIÊN CHẾ, THỰC TRẠNG BỐ TRÍ VIÊN CHỨC

### 1. Tình hình sử dụng biên chế được giao:

- Biên chế sự nghiệp được giao: 251 (243 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 08 biên chế sự nghiệp)

- Viên chức hiện có đến thời điểm xây dựng kế hoạch: 221 (viên chức sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước).

- Biên chế sự nghiệp tại thời điểm xây dựng kế hoạch chưa sử dụng: 30 (22 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 08 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

Cụ thể: *Có phụ lục 1 kèm theo*

### 2. Thực trạng bố trí viên chức theo vị trí việc làm:

*Có phụ lục 2 kèm theo.*

## III. CHỈ TIÊU, VỊ TRÍ VIỆC LÀM CẦN TUYỂN, TIÊU CHUẨN VỀ CHUYÊN MÔN, TIN HỌC, NGOẠI NGỮ.

1. **Chỉ tiêu tuyển dụng:** 17 chỉ tiêu viên chức sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước. *Cụ thể: Có phụ lục 1 đính kèm*

2. **Vị trí việc làm cần tuyển dụng và tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo yêu cầu từng vị trí việc làm:**

Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chỉ tiêu tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
X.1	Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III), mã số V.08.02.06	01	Quản lý chương trình sức khỏe cộng đồng	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Y học dự phòng
X.2	Kỹ thuật Y hạng IV, mã số V.08.07.19	01	Kỹ thuật y khoa Cận lâm sàng - Dược	Cao đẳng trở lên, ngành Kỹ thuật hình ảnh y học
X.3	Dược hạng IV, mã số V.08.08.23	01	Dược khoa Cận lâm sàng - Dược	Cao đẳng trở lên, ngành Dược

<b>Mã số dự tuyển</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển dụng</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo</b>
X.4	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Lộc Thủy	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng
X.5	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ Trạm Y tế xã Cam Thủy	Trung cấp, ngành y sĩ đa khoa
X.6	Bác sĩ (hạng III) Mã số V.08.01.03	01	Bác sĩ Trạm Y tế xã Phú Thủy	Đại học, ngành Bác sĩ đa khoa
X.7	Y sĩ hạng IV, mã số V.08.03.07	01	Y sĩ Trạm Y tế xã An Thủy	Trung cấp, ngành Y sĩ đa khoa
X.8	Hộ sinh hạng IV, mã số V.08.06.16	01	Hộ sinh Trạm Y tế xã Thanh Thủy	Cao đẳng trở lên, ngành Hộ sinh
X.9	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Trạm Y tế xã Ngư Thủy Bắc	Cao đẳng trở lên, ngành Điều dưỡng
X.10	Kế toán viên, mã số 06.031	01	Tài chính kế toán	Đại học trở lên, ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán
X.12	Dân số viên hạng IV, mã số V.08.10.29	01	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Tân Thủy	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Dân số - Y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.
X.13	Dân số viên hạng IV, mã số V.08.10.29	01	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Hồng Thủy	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Dân số - Y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.

<b>Mã số dự tuyển</b>	<b>Hạng chức danh nghề nghiệp</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển dụng</b>	<b>Vị trí việc làm</b>	<b>Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo</b>
X.14	Dân số viên hạng IV, mã số V.08.10.29	01	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Mỹ Thủy	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Dân số - Y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.
X.15	Dân số viên hạng IV, mã số V.08.10.29	01	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Mai Thủy	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Dân số - Y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.
X.16	Dân số viên hạng IV, mã số V.08.10.29	01	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình xã Dương Thủy	Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Dân số - Y tế trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên ở các chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo đạt chuẩn viên chức dân số hoặc tương đương.
X.17	Dân số viên hạng III, mã số V.08.10.28	02	Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tại trung tâm	Có trình độ đại học trở lên chuyên ngành Y tế công cộng, học định hướng Dân số - KHHGD trong phần kiến thức bổ trợ; nếu có trình độ đại học trở lên là chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đạt chuẩn viên chức dân số.

### **3. Tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ tại kế hoạch này như sau:**

#### **3.1. Đối với chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương.**

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Hoặc có một trong các trình độ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học về ngoại ngữ.
- Có một trong các trình độ TOEFL, IELTS, TOEIC (đang trong thời hạn sử dụng theo quy định): Được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quy đổi hoặc xác nhận trình độ tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Trường hợp chưa bảo đảm các quy định về trình độ ngoại ngữ tại điểm a của mục này thì người dự tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B hoặc trình độ C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, trình độ C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

c) Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định mà tương ứng với yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng để thay thế chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại điểm a và điểm b mục này.

#### **3.2. Đối với chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương.**

a) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

Hoặc có một trong các trình độ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học về ngoại ngữ.
- Có một trong các trình độ TOEFL, IELTS, TOEIC (đang trong thời hạn sử dụng theo quy định): Được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền quy đổi hoặc xác nhận trình độ tương đương trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Trường hợp chưa bảo đảm các quy định về trình độ ngoại ngữ điểm a của mục này thì người dự tuyển phải có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A hoặc trình độ B hoặc trình độ C theo Quyết định 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A, trình độ B, trình độ C phải được cấp trước ngày 15/01/2020.

c) Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định mà tương ứng với yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng để thay thế chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại điểm a và điểm b mục này.

#### **4. Tiêu chuẩn về trình độ tin học tại kế hoạch này:**

a) Người dự tuyển phải có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản trở lên (Có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau: Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao; Bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học ngành hoặc chuyên ngành Công nghệ thông tin).

b) Trong trường hợp chưa có đạt trình độ tin học theo quy định điểm a mục này thì người dự tuyển chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương phải có chứng chỉ tin học trình độ B hoặc trình độ C; người dự tuyển chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương phải có chứng chỉ tin học trình độ A hoặc trình độ B hoặc trình độ C. Các chứng chỉ tin học trình độ A, B, C được cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 10/8/2016.

c) Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng để thay thế chứng chỉ tin học quy định tại điểm a và điểm b mục này.

#### **IV. HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG**

Thực hiện tuyển dụng theo 2 hình thức sau đây:

**1. Tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ.**

- Thực hiện đối với **05 chỉ tiêu** (chiếm 29,41% chỉ tiêu của kế hoạch) tại 04 vị trí việc làm có mã số dự tuyển sau: X.1, X.6, X.10, X.17.

- Đối với những chỉ tiêu, vị trí thực hiện xét tuyển theo quy định tại mục này: Nếu không có người đăng ký dự tuyển thì thực hiện tuyển dụng theo hình thức mục 2 phần IV của kế hoạch.

**2. Tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.**

Thực hiện đối với **12 chỉ tiêu** (chiếm 70,59% chỉ tiêu của kế hoạch) tại **12 vị trí việc làm** (X.2, X.3, X.4, X.5, X.7, X.8, X.9, X.12, X.13, X.14, X.15, X.16) và **05 chỉ tiêu** (chiếm 29,41% chỉ tiêu của kế hoạch) **04 vị trí việc làm** (X.1, X.6, X.10, X.17) tại mục 1 phần IV tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ mà không có người đăng ký dự tuyển.

## **V. ĐIỀU KIỆN, ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG**

### **1. Điều kiện đăng ký dự tuyển**

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- Có đơn đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

### **2. Đối tượng đăng ký dự tuyển.**

a) Đối với hình thức tuyển dụng theo mục 2 phần IV kế hoạch này: Là người bảo đảm điều kiện đăng ký dự tuyển tại mục 1 phần V của kế hoạch.

b) Đối với hình thức tuyển dụng theo mục 1 phần IV kế hoạch này:

Là người bảo đảm điều kiện đăng ký dự tuyển tại mục 1 phần V; đồng thời phải bảo đảm theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc tại cơ sở giáo dục đại học ở trong nước hoặc nước ngoài được công nhận tương đương về văn bằng, chứng chỉ theo quy định của pháp luật có kết quả học tập và rèn luyện xuất sắc các năm

học của bậc đại học, trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

+ Đạt giải ba cá nhân trở lên tại một trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, đạt giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc Bằng khen trở lên trong các kỳ thi lựa chọn học sinh giỏi quốc tế thuộc một trong các môn khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học, sinh học, tin học) và khoa học xã hội (ngữ văn, lịch sử, địa lý, ngoại ngữ) trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông;

+ Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia hoặc quốc tế trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học;

+ Đạt giải ba cá nhân trở lên tại cuộc thi Ô-lim-pích thuộc một trong các môn toán, vật lý, hóa học, cơ học, tin học hoặc các chuyên ngành khác trong thời gian học ở bậc đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

- Người có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật thanh niên tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:

+ Đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo sau đại học cùng ngành đào tạo ở bậc đại học.

- Người có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học trong độ tuổi theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

### **3. Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng**

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã

đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

## **VI. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN, BAN GIÁM SÁT KỲ XÉT TUYỂN**

### **1. Hội đồng xét tuyển và các bộ phận giúp việc**

a) Hội đồng xét tuyển được thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 8 Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

b) Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

c) Hội đồng xét tuyển viên chức thành lập các bộ phận giúp việc gồm:

- Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển.
- Ban đề thi.
- Ban Kiểm tra sát hạch.
- Tổ thư ký giúp việc.

### **2. Ban Giám sát kỳ xét tuyển viên chức**

Ban Giám sát kỳ xét tuyển viên chức được thành lập theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

## **VII. ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ THÔNG BÁO TUYỂN DỤNG**

### **1. Thông báo tuyển dụng**

Sở Y tế đăng thông báo tuyển dụng công khai 03 lần liên tiếp trên Báo Quảng Bình, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Bình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình.

- Nội dung thông báo tuyển dụng: Theo quy định khoản 2, điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- Trường hợp thay đổi nội dung thông báo tuyển dụng chỉ được thực hiện trước khi khai mạc kỳ tuyển dụng và phải công khai theo quy định tại Khoản 2, Điều 14, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

## **2. Quy định đăng ký dự tuyển.**

a) Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển tại 01 (một) vị trí việc làm tại kế hoạch này.

b) Đối với hình thức tuyển dụng theo mục 1 phần IV kế hoạch này:

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Nghị định số 140/2017/NĐ-CP tại một trong các vị trí việc làm có mã số dự tuyển sau: X.1, X.6, X.10, X.17.

c) Đối với hình thức tuyển dụng theo mục 2 phần IV kế hoạch này:

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP tại 01 trong 16 vị trí việc làm có mã số dự tuyển sau: X.1, X.2, X.3, X.4, X.5, X.6, X.7, X.8, X.9, X.10, X.12, X.13, X.14, X.15, X.16, X.17.

Đối với các vị trí việc làm có mã số dự tuyển X.1, X.6, X.10, X.17: Vị trí việc làm nào có người đăng ký dự tuyển theo hình thức tuyển dụng mục 1 phần IV, thì người đăng ký dự tuyển theo hình thức tuyển dụng mục 2 phần IV ở vị trí việc làm đó không được đưa vào danh sách để xét tuyển ở vòng 1, vòng 2 kỳ xét tuyển.

## **3. Thời hạn và địa điểm nộp, nhận Phiếu đăng ký dự tuyển:**

a) Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của Sở Y tế hoặc gửi theo đường bưu chính.

**Lưu ý:** Đối với người đăng ký dự tuyển bằng hình thức tuyển dụng mục 1 phần IV kế hoạch này, khi nộp phiếu đăng ký dự tuyển theo quy định phải nộp kèm theo bản sao chứng thực các văn bản, tài liệu, hồ sơ sau: Bằng khen, giấy tờ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực chứng minh đạt giải cá nhân trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông hoặc bậc đại học đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản tổng hợp số lượng Phiếu đăng ký dự tuyển. (Đối với Phiếu đăng ký dự tuyển nộp qua đường bưu chính: Thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển là thời gian trên dấu tiếp nhận văn bản đến của Văn thư Sở Y tế).

b) Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế tỉnh Quảng Bình (Địa chỉ: Số 2, đường Hồ Xuân Hương, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình).

### **3. Phiếu đăng ký dự tuyển và hồ sơ tuyển dụng:**

#### **a) Phiếu đăng ký dự tuyển:**

- Đối với hình thức tuyển dụng theo mục 2 phần IV kế hoạch này:

Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. *(Có mẫu 1 kèm theo)*

- Đối với hình thức tuyển dụng theo mục 1 phần IV kế hoạch này:

Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ. *(Có mẫu 2 kèm theo)*

#### **b) Hồ sơ tuyển dụng:**

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Sở Y tế để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng.

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng để thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

- Chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Lưu ý:** Số lượng hồ sơ tuyển dụng: 01 bộ /thí sinh trúng tuyển. Hồ sơ dự tuyển được đựng trong bì cỡ 22cmx32cm; người trúng tuyển ghi rõ thành phần hồ sơ phía trước bì hồ sơ tuyển dụng.

## **VIII. NỘI DUNG XÉT TUYỂN VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC.**

**1. Đối với tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển tại mục 1 phần IV kế hoạch này (tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ)**

**a) Vòng 1:** Xét kết quả học tập và nghiên cứu (nếu có) của người dự tuyển đảm bảo theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 2 Nghị định 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Những thí sinh có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP và mục 2 phần V kế hoạch này sẽ được tham dự vòng 2.

**b) Vòng 2:** Phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển. *(Danh mục văn bản, tài liệu phỏng vấn tại vòng 2 tại Phụ lục 3 kèm theo)*

- Thời gian: Phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có 15 phút chuẩn bị).

- Thang điểm: 100 điểm.

**2. Đối với tuyển dụng bằng hình thức xét tuyển tại mục 2 phần IV kế hoạch này**

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

**a) Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn**

Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn thì người dự tuyển đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng xét tuyển phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển tham dự ở vòng 2; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử và niên yết công khai tại trụ sở làm việc của Sở Y tế tỉnh Quảng Bình.

Nội dung thông báo triệu tập phải ghi rõ thời gian, địa điểm làm thủ tục dự thi, thu lệ phí thi; nội dung ôn tập; thời gian, địa điểm tổ chức thi vòng 2; hình thức thi và các nội dung khác liên quan.

**b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành**

Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

a) Hình thức thi: Phỏng vấn.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu vị trí việc làm cần tuyển. (*Danh mục văn bản, tài liệu thi phỏng vấn tại vòng 2 tại Phụ lục 3 kèm theo*)

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có 15 phút chuẩn bị).

d) Thang điểm: 100 điểm.

### **3 Xác định người trúng tuyển.**

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (sau đây gọi là tổng số điểm) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở Y tế quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

## **IX. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

### **1. Lệ phí đăng ký tuyển dụng:**

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xét tuyển, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

**2. Các nội dung khác:** Thực hiện các nội dung khác của quy trình xét tuyển viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

## **X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Y tế hoàn chỉnh kế hoạch theo thẩm định của Sở Nội vụ và quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng.

2. Sau khi phê duyệt kế hoạch dụng, căn cứ kế hoạch tuyển dụng và các văn bản quy định hiện hành, Sở Y tế triển khai thông báo tuyển dụng, thu Phiếu đăng ký dự tuyển, thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, thành lập Ban Giám sát và triển khai công tác xét tuyển viên chức theo quy định.

3. Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của hội đồng, ban giám sát.

4. Thời gian triển khai tuyển dụng: Quý II và III năm 2021.

5. Phòng tổ chức cán bộ Sở Y tế là tổ chức thường trực tham mưu giải quyết các nội dung liên quan đến công tác xét tuyển.

6. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Trên đây là kế hoạch xét tuyển viên chức Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy; các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ để triển khai công tác xét tuyển viên chức theo quy định./.

**GIÁM ĐỐC**

---

**Nguyễn Đức Cường**

**PHỤ LỤC 1**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ VÀ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC**  
**TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỆ THỦY**

TT	Đơn vị	Số lượng người làm việc được giao				Số lượng người làm việc hiện có				Số lượng người làm việc được giao chưa tuyển dụng			Chỉ tiêu xét tuyển viên chức		
		Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó			Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó	
			Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo nghị định 68/2000/NĐ-CP và nghị định 161/2018/NĐ-CP		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hợp đồng theo nghị định 68/2000/NĐ-CP và nghị định 161/2018/NĐ-CP		Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp		Viên chức sự nghiệp	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp
1	Các khoa phòng	88	79	08	01	67	66	0	01	21	13	08	11	11	
2	Các Trạm Y tế	164	164	0	0	155	155		0	9	9	0	6	6	
2.1	Trạm y tế xã Hồng Thủy	7	7			7	7								
2.2	Trạm y tế xã Thanh Thủy	5	5			4	4			1	1		1	1	

2.3	Trạm y tế xã Cam Thủy	5	5			4	4			1	1		1	1	
2.4	Trạm y tế xã Hưng Thủy	6	6			6	6								
2.5	Trạm Y tế xã Sen Thủy	6	6			6	6								
2.6	Trạm y tế xã Ngư Thủy Bắc	6	6			5	5			1	1		1	1	
2.7	Trạm y tế xã Ngư Thủy	10	10			8	8			2	2				
2.8	Trạm y tế xã Phong Thủy	6	6			6	6								
2.9	Trạm y tế xã An Thủy	9	9			8	8			1	1		1	1	
2.10	Trạm y tế xã Lộc Thủy	5	5			4	4			1	1		1	1	
2.11	Trạm y tế xã Xuân Thủy	5	5			5	5								
2.12	Trạm y tế xã Liên Thủy	8	8			8	8								
2.13	Trạm y tế TT Kiến Giang	5	5			5	5								
2.14	Trạm y tế xã Mỹ Thủy	5	5			5	5								
2.15	Trạm y tế xã Dương Thủy	6	6			6	6								
2.16	Trạm y tế xã Tân Thủy	6	6			6	6								
2.17	Trạm y tế xã Thái Thủy	6	6			6	6								
2.18	Trạm y tế xã Trường Thủy	8	8			7	7			1	1				
2.19	Trạm y tế xã Mai Thủy	5	5			5	5								
2.20	Trạm y tế xã Phú Thủy	6	6			5	5			1	1		1	1	

2.21	Trạm y tế xã Sơn Thủy	6	6			6	6								
2.22	Trạm y tế xã Hoa Thủy	8	8			8	8								
2.23	Trạm y tế TTNT Lệ Ninh	5	5			5	5								
2.24	Trạm y tế xã Kim Thủy	7	7			7	7								
2.25	Trạm y tế xã Ngân Thủy	6	6			6	6								
2.26	Trạm y tế xã Lâm Thủy	7	7			7	7								
<b>Tổng</b>		<b>252</b>	<b>243</b>	<b>08</b>	<b>01</b>	<b>222</b>	<b>221</b>		<b>01</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	<b>08</b>	<b>17</b>	<b>19</b>	

**PHỤ LỤC 2**

**THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỆ THỦY**

**PHẦN I. VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI CÁC KHOA, PHÒNG THUỘC TRUNG TÂM**

TT	Danh mục VTVL	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt				Số lượng viên chức hiện có					
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
					Khác	Hạng IV	Hạng III		Hạng II	Khác	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
<b>I</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành</b>			<b>3</b>			<b>2</b>	<b>1</b>	<b>3</b>			<b>2</b>	<b>1</b>
1	Giám đốc	Giám đốc	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
2	Phó Giám đốc	Phó giám đốc	Bác sĩ , bác sĩ chính hoặc tương đương	2			1	1	2			1	1
	<b>Trưởng, Phó các khoa, phòng (Số lượng được phân bổ theo VTVL gắn với hoạt động chuyên môn để đảm bảo cơ cấu)</b>												
3	Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp	Trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1	
4	Trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
5	Trưởng khoa Cận lâm sàng - Dược	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	

6	Trưởng khoa Y tế Công cộng	Trưởng khoa	Y tế công cộng hoặc tương đương	1			1		1			1			
7	Trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1			
8	Trưởng cơ sở Methdone	Trưởng cơ sở	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1			
9	Trưởng phòng Dân số	Trưởng phòng	Dân số viên	1			1		1			1			
10	Phó trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Phó trưởng phòng	Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1			
11	Phó trưởng khoa Kiểm soát bệnh tật	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	2			2		2			2			
12	Phó trưởng khoa Cận lâm sàng - Dược	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1			
13	Phó trưởng khoa Y tế Công cộng	Phó trưởng khoa	Y tế công cộng hoặc tương đương	1			1		1			1			
14	Phó trưởng khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Phó trưởng khoa	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1			
15	Phó trưởng cơ sở Methadone	Phó trưởng cơ sở	Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1			
16	Phó trưởng phòng Dân số	Phó trưởng phòng	Dân số viên	2			2		2			2			
<b>II</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp</b>			<b><u>76</u></b>			<b><u>46</u></b>		<b><u>30</u></b>			<b><u>59</u></b>		<b><u>34</u></b>	<b><u>25</u></b>
<b>1</b>	<b>Khoa Kiểm soát bệnh tật</b>			<b><u>12</u></b>			<b><u>4</u></b>		<b><u>8</u></b>			<b><u>12</u></b>		<b><u>4</u></b>	<b><u>8</u></b>
1.1	Bác sĩ		Bác sĩ	3			3		3			3		3	
1.2	Bác sỹ Y học dự phòng		Bác sỹ Y học dự phòng	2			2		2			2		2	

1.3	Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS		Y sĩ hoặc tương đương	2		2			2		2	
1.4	Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và vắc xin sinh phẩm		Điều dưỡng hoặc tương đương	4		2	2		4		2	2
1.5	Chỉ đạo tuyến		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1
<b>2</b>	<b>Khoa Cận lâm sàng - Dược</b>			<b><u>9</u></b>		<b><u>4</u></b>	<b><u>5</u></b>		<b><u>7</u></b>		<b><u>2</u></b>	<b><u>5</u></b>
2.1	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1
2.2	Kỹ thuật Y		Kỹ thuật Y	3		2	1		2		1	1
2.3	Tư vấn, xét nghiệm		Kỹ thuật Y hoặc tương đương	1		1			1		1	
2.4	Dược		Dược, dược sĩ	4		1	3		3			3
<b>3</b>	<b>Khoa Y tế công cộng</b>			<b><u>8</u></b>		<b><u>2</u></b>	<b><u>6</u></b>		<b><u>5</u></b>		<b><u>1</u></b>	<b><u>4</u></b>
3.1	Bác sỹ Y học dự phòng		Bác sỹ Y học dự phòng	1			1		1			1
3.2	Y sĩ		Y sĩ	1		1						
3.3	Y tế công cộng		Y tế công cộng	2			2		2			2
3.4	Truyền thông giáo dục sức khỏe		Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		1			1
3.5	Dinh dưỡng (kiêm nhiệm)		Dinh dưỡng hoặc tương đương									
3.6	Quản lý sức khỏe trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng (kiêm nhiệm)		Điều dưỡng hoặc tương đương									

3.7	Quản lý chương trình sức khỏe cộng đồng		Bác sĩ Y học dự phòng	1		1						
			Y sĩ	1		1						
3.8	An toàn thực phẩm		Kỹ sư hoặc tương đương	1		1		1		1		
<b>4</b>	<b>Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>			<b>9</b>		<b>6</b>		<b>3</b>		<b>6</b>		<b>3</b> <b>3</b>
4.1	Bác sĩ		Bác sĩ	3		3		3				3
4.2	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1						
4.3	Y sĩ		Y sĩ	1		1		1		1		
4.4	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2		2		2		
4.5	Chăm sóc sức khỏe sinh sản		Hộ sinh hoặc tương đương	2		2						
<b>5</b>	<b>Cơ sở Methadone</b>	-	-	<b>5</b>		<b>3</b>		<b>2</b>		<b>3</b>		<b>2</b> <b>1</b>
5.1	Bác sĩ		Bác sĩ	2		2		1				1
5.2	Y sĩ		Y sĩ	1		1						
5.3	Dược		Dược	1		1		1		1		
5.4	Kỹ thuật y		Kỹ thuật y	1		1		1		1		
<b>6</b>	<b>Phòng Dân số</b>			<b>33</b>		<b>27</b>		<b>6</b>		<b>26</b>		<b>22</b> <b>4</b>
6.1	<i>Công tác dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại Trung tâm</i>		Dân số viên	<u>7</u>		<u>1</u>		<u>6</u>		5		1 4
6.2	<i>Công tác Dân số - KHHGD tại xã, phường</i>			<u>26</u>		<u>26</u>				21		<u>21</u> <u>0</u>

6.2.1	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Hồng Thủy		Dân số viên	1		1			0			
6.2.2	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Thanh Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.3	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Cam Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.4	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Hưng Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.5	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Sen Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.6	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Ngự Thủy Bắc		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.7	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Ngự Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.8	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Phong Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.9	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã An Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.10	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Lộc Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.11	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Xuân Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.12	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Liên Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.13	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình TT Kiến Giang		Dân số viên	1		1			1		1	

6.2.14	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Mỹ Thủy		Dân số viên	1		1						
6.2.15	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Dương Thủy		Dân số viên	1		1						
6.2.16	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Tân Thủy		Dân số viên	1		1						
6.2.17	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Thái Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.18	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Trường Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.19	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Mai Thủy		Dân số viên	1		1						
6.2.20	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Phú Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.21	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Sơn Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.22	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Hoa Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.23	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình TT NT Lệ Ninh		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.24	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Kim Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.25	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Ngân Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	
6.2.26	Công tác dân số -Kế hoạch hóa gia đình xã Lâm Thủy		Dân số viên	1		1			1		1	

<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</b>			<b><u>9</u></b>	<b><u>1</u></b>	<b><u>2</u></b>	<b><u>6</u></b>		<b><u>5</u></b>	<b><u>1</u></b>	<b><u>2</u></b>	<b><u>2</u></b>	
1.1	Tổ chức nhân sự		Chuyên viên hoặc tương đương	1			1		0			0	
1.2	Hành chính tổng hợp, quản trị		Chuyên viên hoặc tương đương	2			2		1			1	
1.3	Kế hoạch - Nghiệp vụ		Điều dưỡng hoặc tương đương	1		1			1		1		
1.4	Tài chính kế toán		Kế toán viên	3			3		1			1	
1.5	Thủ quỹ (kiêm nhiệm)		Kế toán viên trung cấp hoặc tương đương										
1.6	Văn thư lưu trữ		Văn thư trung cấp hoặc tương đương	1		1			1		1		
1.7	Vật tư trang thiết bị (kiêm nhiệm)		Kỹ thuật viên hoặc tương đương										
1.8	Công nghệ thông tin (kiêm nhiệm)		Quản trị viên hệ thống										
1.9	Y công (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.10	Lái xe		Nhân viên	1	1				1	1			
1.11	Sửa chữa điện nước (Kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.12	Tạp vụ (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.13	Vệ sinh, chăm sóc bảo vệ cảnh quan cơ quan, đơn vị (Kiêm nhiệm)		Nhân viên										
1.14	Bảo vệ (kiêm nhiệm)		Nhân viên										
<b>Tổng số</b>				<b>88</b>	<b>1</b>	<b>48</b>	<b>38</b>	<b>1</b>	<b>67</b>	<b>1</b>	<b>36</b>	<b>29</b>	<b>1</b>

**PHẦN II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM TẠI TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN**

TT	Danh mục VTVL	Chức danh lãnh đạo, quản lý	Chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc theo Đề án vị trí việc làm				Số lượng người làm việc hiện có					
				Tổng số	Trong đó				Tổng	Trong đó			
					Khác	Hạng IV	Hạng III	Hạng II		Khác	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
<b>I</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành (Số lượng được phân bổ theo VTVL gắn với hoạt động chuyên môn để đảm bảo theo cơ cấu)</b>												
<b>A</b>	<b>Vị trí cấp Trưởng Trạm Y tế xã, phường</b>												
1	Trưởng Trạm Y tế xã Hồng Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
2	Trưởng Trạm Y tế xã Thanh Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
3	Trưởng Trạm Y tế xã Cam Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
4	Trưởng Trạm Y tế xã Hưng Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
5	Trưởng Trạm Y tế xã Sen Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
6	Trưởng Trạm Y tế xã Ngự Thủy Bắc		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
7	Trưởng Trạm Y tế xã Ngự Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
8	Trưởng Trạm Y tế xã Phong Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
9	Trưởng Trạm Y tế xã An Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	

10	Trưởng Trạm Y tế xã Lộc Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
11	Trưởng Trạm Y tế xã Xuân Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
12	Trưởng Trạm Y tế xã Liên Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
13	Trưởng Trạm Y tế TT Kiến Giang		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
14	Trưởng Trạm Y tế xã Mỹ Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
15	Trưởng Trạm Y tế xã Dương Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
16	Trưởng Trạm Y tế xã Tân Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
17	Trưởng Trạm Y tế xã Thái Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
18	Trưởng Trạm Y tế xã Trường Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
19	Trưởng Trạm Y tế xã Mai Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
20	Trưởng Trạm Y tế xã Phú Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
21	Trưởng Trạm Y tế xã Sơn Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
22	Trưởng Trạm Y tế xã Hoa Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
23	Trưởng Trạm Y tế xã TTNT Lệ Ninh		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
24	Trưởng Trạm Y tế xã Kim Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
25	Trưởng Trạm Y tế xã Ngân Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	

26	Trưởng Trạm Y tế xã Lâm Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
<b>B</b>	<b>Vị trí cấp Phó trưởng Trạm Y tế xã, phường</b>												
1	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Hồng Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
2	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Thanh Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
3	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Cam Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
4	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Hưng Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
5	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Sen Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
6	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Ngự Thủy Bắc		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
7	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Ngự Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
8	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Phong Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
9	Phó Trưởng Trạm Y tế xã An Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
10	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Lộc Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
11	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Xuân Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						

12	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Liên Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
13	Phó Trưởng Trạm Y tế TT Kiến Giang		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
14	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Mỹ Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
15	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Dương Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
16	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Tân Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
17	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Thái Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
18	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Trường Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
19	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Mai Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
20	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Phú Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
21	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Sơn Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
22	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Hoa Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
23	Phó Trưởng Trạm Y tế xã TTNT Lê Ninh		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1						
24	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Kim Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
25	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Ngân Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	
26	Phó Trưởng Trạm Y tế xã Lâm Thủy		Bác sĩ hoặc tương đương	1			1		1			1	

<b>II</b>	<b>Tên vị trí việc làm gắn với hoạt động nghề nghiệp</b>										
<b>1</b>	<b>Trạm Y tế xã Hồng Thủy</b>		<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1		1		1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		1	1	2		1	1
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2		2		2	
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1	
<b>2</b>	<b>Trạm Y tế xã Thanh Thủy</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1		1		1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1					
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1	
<b>3</b>	<b>Trạm Y tế xã Cam Thủy</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (Y học cổ truyền)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1		1		1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1	

	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1						
<b>4</b>	<b>Trạm Y tế xã Hưng Thủy</b>		-	<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1			1		1			1
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			2		2	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>5</b>	<b>Trạm Y tế xã Sen Thủy</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	2			2		2			2
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1	
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>6</b>	<b>Trạm Y tế xã Ngư Thủy Bắc</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1						
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1	

	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1		
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>7</b>	<b>Trạm Y tế xã Ngự Thủy</b>			<b>10</b>		<b>8</b>	<b>2</b>		<b>8</b>		<b>7</b>	<b>1</b>	
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	2			2		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	4		4			3		3		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1		
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1		
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>8</b>	<b>Trạm Y tế xã Phong Thủy</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>	
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1	
	Bác sĩ (Y học cổ truyền)		Bác sĩ	1			1		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1		
	Y sĩ		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>9</b>	<b>Trạm Y tế xã An Thủy</b>			<b>9</b>		<b>8</b>	<b>1</b>		<b>8</b>		<b>7</b>	<b>1</b>	

	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1		1		1		1	
	Dược		Dược	1	1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2	2			2		2	
	Hộ sinh		Hộ sinh	3	3			3		3	
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1	1						
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1	1			1		1	
<b>10</b>	<b>Trạm Y tế xã Lộc Thủy</b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>		<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1	1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1	1						
	Hộ sinh		Hộ sinh	1	1			1		1	
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1	1			1		1	
<b>11</b>	<b>Trạm Y tế xã Xuân Thủy</b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (Y học cổ truyền)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1	1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1	1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1	1			1		1	

	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>12</b>	<b>Trạm Y tế xã Liên Thủy</b>			<b>8</b>		<b>6</b>	<b>2</b>		<b>8</b>		<b>6</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		1	1		2		1	1
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			2		2	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>13</b>	<b>Trạm Y tế thị trấn Kiến Giang</b>			<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1	
	Y sĩ (Y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>14</b>	<b>Trạm Y tế xã Mỹ Thủy</b>			<b>5</b>		<b>1</b>	<b>4</b>		<b>5</b>		<b>1</b>	<b>4</b>
	Bác sĩ (Y học cổ truyền)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Bác sĩ		Bác sĩ	1			1		1			1

	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1			1		1			1
	Hộ sinh		Hộ sinh	1			1		1			1
<b>15</b>	<b>Trạm Y tế xã Dương Thủy</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		1	1		2		1	1
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>16</b>	<b>Trạm Y tế xã Tân Thủy</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1	
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1	
	Y sĩ Y (học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>17</b>	<b>Trạm Y tế xã Thái Thủy</b>			<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>		<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>

	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1		1		1		1	
	Dược		Dược	1	1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1	1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	2	2			2		2	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1	1			1		1	
<b>18</b>	<b>Trạm Y tế xã Trường Thủy</b>			<b>8</b>	<b>7</b>	<b>1</b>		<b>7</b>		<b>6</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1	1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	3	3			2		2	
	Hộ sinh		Hộ sinh	2	2			2		2	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1	1			1		1	
<b>19</b>	<b>Trạm Y tế xã Mai Thủy</b>			<b>5</b>	<b>4</b>	<b>1</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (Y học cổ truyền)		Bác sĩ	1		1		1			1
	Dược		Dược	1	1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1	1			1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1	1			1		1	
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1	1			1		1	

<b>20</b>	<b>Trạm Y tế xã Phú Thủy</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>	
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	2			2		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1			1		1		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>21</b>	<b>Trạm Y tế xã Sơn Thủy</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>5</b>	<b>1</b>	
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1			1		1		1		
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			2		2		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1		
<b>22</b>	<b>Trạm Y tế xã Hoa Thủy</b>			<b>8</b>		<b>5</b>	<b>3</b>		<b>8</b>		<b>5</b>	<b>3</b>	
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	2			2		2			2	
	Dược		Dược	1		1			1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		1	1		2		1	1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1		

	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
	Y sĩ (đa khoa)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>23</b>	<b>Trạm Y tế xã TT Nông trường Lệ Ninh</b>			<b>5</b>		<b>3</b>	<b>2</b>		<b>5</b>		<b>4</b>	<b>1</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1			1		1		1	
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1			1		1	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>24</b>	<b>Trạm Y tế xã Kim Thủy</b>			<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>		<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		1	1		2		1	1
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		2			2		2	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1			1		1	
<b>25</b>	<b>Trạm Y tế xã Ngân Thủy</b>			<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>		<b>6</b>		<b>4</b>	<b>2</b>
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	1			1		1			1
	Dược		Dược	1		1			1		1	

	Điều dưỡng		Điều dưỡng	1		1		1		1		
	Hộ sinh		Hộ sinh	2		1	1	2		1	1	
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1		
<b>26</b>	<b>Trạm Y tế xã Lâm Thủy</b>			<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	<b>7</b>		<b>5</b>	<b>2</b>	
	Bác sĩ (đa khoa)		Bác sĩ	2			2	2			2	
	Dược		Dược	1		1		1		1		
	Điều dưỡng		Điều dưỡng	2		2		2		2		
	Hộ sinh		Hộ sinh	1		1		1		1		
	Y sĩ (y học cổ truyền)		Y sĩ	1		1		1		1		
	<b>Tổng cộng</b>			<b>164</b>		<b>120</b>	<b>44</b>	<b>155</b>		<b>115</b>	<b>40</b>	

### PHỤ LỤC 3

#### **Danh mục tài liệu và văn bản phỏng vấn, thi môn nghiệp vụ chuyên ngành tại vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức**

##### **1. Đối với Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III): Mã số dự tuyển X.1**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/01/2007.

- Quyết định số 831/QĐ-BYT ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc mẫu hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 15/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng.

- “Hướng dẫn tạm thời giám sát và phòng, chống COVID-19” ban hành kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BYT ngày 07/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

##### **2. Đối với Kỹ thuật y hạng IV: Mã số dự tuyển X.2**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 03/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn quy trình, kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh và điện quang can thiệp”.

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

- Thông tư 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 09/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử lý phản vệ.

### **3. Đối với Dược hạng IV: Mã số dự tuyển X.3**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Dược số 105/2016/QH13.

- Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật dược và Nghị định 54/2017/NĐ-CP ngày 8/5/2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.

- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

- Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện.

- Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh.

### **4. Đối với Điều dưỡng hạng IV: Mã số dự tuyển X.4, X.9**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử lý phản vệ.

- Hướng dẫn Quy trình chăm sóc người bệnh tập 1 ban hành kèm theo Quyết định số 940/2002/QĐ-BYT ngày 22/3/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hướng dẫn Quy trình chăm sóc người bệnh tập 2 ban hành kèm theo Quyết định số 1108/2004/QĐ-BYT ngày 29/3/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Tài liệu chuyên môn hướng dẫn khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 Thông tư quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh.

## **5. Đối với Y sĩ hạng IV: Mã số dự tuyển X.5, X.7**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Tài liệu chuyên môn hướng dẫn khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 Thông tư quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh.

## **6. Đối với Bác sĩ (hạng III): Mã số dự tuyển X.6**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Tài liệu chuyên môn hướng dẫn khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định số 5642/QĐ-BYT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Bộ Y tế quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

## **7. Đối với Hộ sinh hạng IV: Mã số dự tuyển X.8**

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về " Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới".

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009.

- Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản”.

- Tài liệu chuyên môn hướng dẫn khám, chữa bệnh tại Trạm Y tế xã, phường ban hành kèm theo Quyết định số 2919/QĐ-BYT ngày 06/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 Thông tư quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám chữa bệnh.

- Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử lý phản vệ.

### **8. Đối với Kế toán viên: Mã số dự tuyển X.10**

- Luật Kế toán số năm 2015.

- Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

- Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ.

- Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ.

- Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

### **9. Đối với Dân số viên hạng III và Dân số viên hạng IV: Mã số dự tuyển X.12, X.13, X.14, X.15, X.16, X.17**

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "Về công tác dân số trong tình hình mới".

- Pháp lệnh Dân số năm 2003; Pháp lệnh năm 2008 sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số.

- Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số.

- Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17/3/2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010.

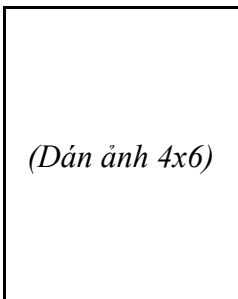
- Kế hoạch số 604/KH-UBND ngày 26/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU của Ban Thường

vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 25/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Quảng Bình thực hiện chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030./.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....



**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

**Vị trí dự tuyển** <sup>(1)</sup>: .....

**Đơn vị dự tuyển** <sup>(2)</sup>: .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên: .....
Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam <sup>(3)</sup> <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/>
Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....
Số CMND hoặc Thẻ CCCD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
Số điện thoại di động để báo tin: ..... Email: .....
Quê quán <sup>(4)</sup> : .....
Hộ khẩu thường trú <sup>(5)</sup> : .....
Chỗ ở hiện nay (để báo tin): .....
Tình trạng sức khỏe <sup>(6)</sup> : ....., Chiều cao: ....., Cân nặng: ..... kg
Thành phần bản thân hiện nay <sup>(7)</sup> : .....
Trình độ văn hóa <sup>(8)</sup> : .....
Trình độ chuyên môn <sup>(9)</sup> : .....

**II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH** <sup>(10)</sup>

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội .....

### III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO <sup>(11)</sup>

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

### IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC <sup>(12)</sup> (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

### V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC <sup>(13)</sup>

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

Miễn thi tin học do: .....

### VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ <sup>(14)</sup>

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ: .....

### VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN <sup>(15)</sup> (nếu có)

.....  
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú:***

- (1). Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2). Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3). Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.
- (4). Khai theo Giấy khai sinh.
- (5). Khai theo sổ hộ khẩu.
- (6). Theo kết luận của Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng theo qui định.
- (7). Cán bộ hoặc công chức/viên chức/lao động hợp đồng/chưa có việc làm.
- (8). Hệ 12/12 hoặc hệ 10/10
- (9). Khai theo văn bằng chuyên môn phù hợp với vị trí đăng ký dự tuyển.
- (10). Khai các mối quan hệ: cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển và bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi.
- (11). Khai các thông tin theo văn bằng, chứng chỉ đào tạo đã được cấp theo yêu cầu của vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.
- (12). Khai về quá trình công tác sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông đến thời điểm nộp phiếu đăng ký dự tuyển.
- (13): Thí sinh để trống mục này.
- (14): Thí sinh để trống mục này.
- (15). Ghi đúng đối tượng ưu tiên theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (nếu có)/.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

<i>(Dán ảnh 4 x 6)</i>	Vị trí dự tuyển <sup>(1)</sup> : .....
	Đơn vị dự tuyển <sup>(2)</sup> : .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên: .....	Ngày sinh .....	Nam <input type="checkbox"/>	Nữ <input type="checkbox"/>
Dân tộc: .....	Tôn giáo: .....		
Số CMTND: .....	Ngày cấp: .....	Nơi cấp: .....	
Điện thoại liên hệ để báo tin: .....			
Email: .....			
Quê quán: .....			
Hộ khẩu thường trú: .....			
Chỗ ở hiện nay (để báo tin): .....			
Tình trạng sức khỏe: ....., Chiều cao ....., Cân nặng: ..... kg			
Thành phần bản thân hiện nay: .....			
Trình độ văn hóa: .....			
Trình độ chuyên môn cao nhất: ..... Loại hình đào tạo: .....			

**II. HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH**

1. Bố mẹ:

- Họ và tên bố: ..... Tuổi: ..... Nghề nghiệp: .....

Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu? .....

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu? .....

.....  
Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có))  
.....

.....  
- Họ và tên mẹ: ..... Tuổi:..... Nghề nghiệp: .....  
Trước cách mạng Tháng 8 làm gì? Ở đâu? .....  
.....

.....  
Trong kháng chiến chống thực dân Pháp làm gì? Ở đâu?.....  
.....

.....  
Từ năm 1955 đến nay làm gì? Ở đâu? (Ghi rõ tên cơ quan, đơn vị hiện nay đang làm (nếu có))  
.....

2. Anh, chị, em ruột:

- Họ và tên: ..... Tuổi:.....

- Nghề nghiệp:.....

- Nơi làm việc: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

3. Vợ hoặc chồng:

- Họ và tên: ..... Tuổi:.....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

4. Các con:

- Họ và tên: ..... Tuổi:.....

- Nghề nghiệp: .....

- Nơi làm việc: .....

- Chỗ ở hiện nay: .....

### III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (NẾU CÓ)

### IV. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Tên cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo <sup>(3)</sup>	Xếp loại bằng /Chứng chỉ

## V. THÀNH TÍCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

STT	Tên cuộc thi, công trình nghiên cứu	Thời gian <sup>(4)</sup>	Kết quả cuộc thi, công trình nghiên cứu <sup>(5)</sup>	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
...				

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai thông tin không đúng sự thật./.

### NGƯỜI VIẾT PHIẾU

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

- 
- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thông báo tuyển dụng (đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng).
- (3) Ghi rõ hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, đào tạo từ xa, bồi dưỡng... /Văn bằng TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư.../Chúng chỉ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông; Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (4) Ghi rõ thời gian tham gia cuộc thi, thời gian thực hiện công trình nghiên cứu.
- (5) Ghi rõ đã đạt giải thưởng gì trong các cuộc thi; công trình nghiên cứu khoa học và được cấp nào công nhận; kết quả nghiên cứu khoa học đã được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành nào ở trong hoặc ngoài nước.